

Bản án số: **34/2021/HN-ST**

Ngày: 05/05/2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Bình

2. Bà Mai Thị Nhắc

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Thu Thảo - Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia
phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 05 năm 2021, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam,
tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số:
91/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2021 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2021/QĐXX-ST ngày 14 tháng 04
năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 72/2021/QĐST-HN ngày 27 tháng 04 năm
2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1981 (Có mặt)

Hộ khẩu thường trú: ấp A, xã Thành Th, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre

Địa chỉ liên lạc: ấp 2, xã Th, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

2. Anh Hồ Văn T, sinh năm 1973; (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã Thành Th, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 11/03/2021, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án
cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:*

Về hôn nhân: Vợ chồng chị do mai mối tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới
vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thới Thạnh, huyện Thạnh
Phú, tỉnh Bến Tre. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà anh T ấp An Trạch

Đông, xã Thành Thới A, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, vợ chồng cùng chăm lo phát triển kinh tế gia đình.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do khi vợ chồng đám cưới bên chồng không cho vợ chồng tài sản gì, hai vợ chồng phải đi làm để tự sinh sống và nuôi mẹ chồng nhưng mẹ chồng chị không hài lòng, khó khăn và không quan tâm con dâu. Khi chị bệnh anh T cũng không quan tâm lo lắng, chị tự đi trị bệnh một mình, khi chị bệnh thì mẹ ruột chị có rước về nhà 4 tháng, sau khi hết bệnh thì chị lại về nhà chồng sống. Thấy vợ chồng chị khó khăn nên anh rể chị có mua 02 cái máy se chỉ về làm, chỉ có chị làm còn anh T không có làm, anh T ghen tuông chị với anh rể có quan hệ bất chính, không tin tưởng chị, chị đi đâu cũng theo dõi nói chị đi với người này người khác, mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng không thể trao đổi được các vấn đề trong cuộc sống. Đến tháng 8 năm 2019 hai vợ chồng cãi nhau lớn tiếng rồi chị về nhà mẹ ruột ở cho đến nay, vợ chồng bắt đầu ly thân từ thời gian này. Trong thời gian ly thân vợ chồng có gặp gỡ hàn gắp tình cảm để về chung sống cùng nhau nhưng không thành và nhận thấy vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống, cả hai không thể sống hòa hợp được. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 02 con chung cháu Hồ Khánh V sinh ngày 02/7/2001 con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết, cháu Hồ Khánh M sinh ngày 14/8/2012 con hiện nay đang sống với mẹ, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu M không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh Hồ Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Anh Hồ Văn T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị xét xử vắng mặt anh T.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị H;

Con chung: Vợ chồng chị H và anh T có 02 con chung, cháu Hồ Khánh V sinh ngày 02/7/2001 con đã trưởng thành chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết; cháu Hồ Khánh M sinh ngày 14/8/2012 con hiện nay đang sống với chị H, do đó để đảm bảo cho sự phát triển ổn định, bình thường của con nên cần giao con chung cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu.

Tài sản chung: Không có, đề nghị không giải quyết.

Nợ chung: Không có, đề nghị không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn xin ly hôn của chị Trần Thị H thì quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Hồ Văn T là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do và không có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2]. Về nội dung:

2.1. Về hôn nhân:

Hôn nhân của chị Trần Thị H và anh Hồ Văn T là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thới Thạnh, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Chị H yêu cầu được ly hôn với anh T. Chị cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T không quan tâm, không tin tưởng chị dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vợ chồng bắt đầu ly thân từ tháng 8 năm 2019 cho đến nay, trong thời gian ly thân vợ chồng có gặp gỡ để hàn gắn tình cảm nhưng không thành.

Thấy rằng mục đích hôn nhân là để xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; trong quá trình sống chung vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh T là có thật, anh chị thường xuyên cãi vã nhau, anh T không tin tưởng chị H, hay ghen tuông, vợ chồng thiếu sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và tôn trọng lẫn nhau, anh chị đã có thời gian sống ly thân nhưng không thể hàn gắn tình cảm được. Tòa án đã triệu tập anh T nhiều lần đến Tòa để hòa giải với chị H, tuy nhiên anh T không đến và cũng không có ý kiến trình bày, điều đó chứng minh anh T cũng không có thiện chí đoàn tụ. Xét mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân đã không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H với anh T là đúng theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.2. Về con chung: Trong thời gian chung sống chị H và anh T có 02 con chung: cháu Hồ Khánh V sinh ngày 02/7/2001 con đã trưởng thành các bên không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét, giải quyết.

Cháu Hồ Khánh M sinh ngày 14/8/2012 con hiện nay đang sống với chị H, tại biên bản lấy ý kiến con chưa thành niên ngày 02/4/2021 thì cháu M có nguyện vọng

tiếp tục sống với mẹ. Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển ổn định, bình thường của con nên cần giao cháu M cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

2.3 Về tài sản chung của vợ chồng: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh T không có lời trình bày nên không xem xét, giải quyết.

2.4. Về nợ chung của vợ chồng: Chị H trình bày không có và anh T không có lời trình bày nên không xem xét, giải quyết.

[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Án phí dân sự không có giá ngạch đối với yêu cầu xin ly hôn là 300.000 đồng, chị H phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVWQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị H.

Cụ thể tuyên:

1. Chị Trần Thị H được ly hôn với anh Hồ Văn T.

2. Về con chung:

Cháu Hồ Khánh V sinh ngày 02/7/2001 con đã trưởng thành các bên không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét, giải quyết.

Cháu Hồ Khánh M sinh ngày 14/8/2012 khi ly hôn giao cho chị Trần Thị H được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung. Ghi nhận chị Trần Thị H không yêu cầu anh Hồ Văn T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên; người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con khi có căn cứ theo quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh T không có lời trình bày nên không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Chị H trình bày không có và anh T không có lời trình bày nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí dân sự không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị Trần Thị H phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007024 ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mô Cày Nam, tỉnh Bến Tre là đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Cơ quan ĐKKH;
- Lưu (Hs, Vp).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Ngọc Yến